

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 2383/SGDĐT-TCCB

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 8 năm 2021

V/v hướng dẫn thực hiện tuyển dụng
viên chức năm học 2021-2022 đối với
các đơn vị sự nghiệp công lập được Sở
Giáo dục và Đào tạo phân cấp thực
hiện tuyển dụng viên chức

TRƯỞNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG	
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	
Số:	430
ĐẾN Ngày:	09/9/2021
Chuyển:	
Lưu hồ sơ số:	Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy

định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (viết tắt là Nghị định số 115/2020/NĐ-CP);

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (viết tắt là Thông tư số 06/2020/TT-BNV),

Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành các Quyết định số 1765/QĐ-SGDĐT ngày 16 tháng 8 năm 2021 về phân cấp thực hiện tuyển dụng viên chức đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 1791/QĐ-SGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2021 về phân cấp thực hiện tuyển dụng viên chức đối với Phân hiệu Trung học phổ thông Lê Thị Hồng Gấm của Trung tâm Giáo dục Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp Lê Thị Hồng Gấm.

Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn 17 đơn vị đã được phân cấp thực hiện tuyển dụng (danh sách đính kèm) về việc tổ chức thực hiện tuyển dụng viên chức năm học 2021- 2022 như sau:

I. Nguyên tắc thực hiện tuyển dụng

- Việc tuyển dụng viên chức được thực hiện theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Thông tư số 06/2020/TT-BNV.
- Việc tuyển dụng viên chức phải căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và quỹ tiền lương của đơn vị sự nghiệp công lập.
- Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.
- Bảo đảm tính cạnh tranh.

- Những trường hợp được tuyển chọn phải đảm bảo đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, chuyên môn nghiệp vụ năng lực theo yêu cầu của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp cần tuyển.
- Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển/ xét tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả kỳ thi tuyển/ xét tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.
- Không tiếp nhận bổ sung đối tượng ưu tiên sau khi đã công nhận kết quả tuyển dụng.

II. Hình thức tuyển dụng

Việc tuyển dụng viên chức được thực hiện thông qua hình thức **thi tuyển** hoặc **xét tuyển** (bao gồm các trường hợp tiếp nhận vào làm viên chức theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 Mục 3 Nghị định 115/2020/NĐ-CP).

III. Trình tự, thủ tục tuyển dụng viên chức

1. Xây dựng kế hoạch tuyển dụng

Trước ngày 30/9/2021, các đơn vị xây dựng kế hoạch tuyển dụng (theo mẫu đính kèm) gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt theo quy định.

Nội dung kế hoạch tuyển dụng bao gồm:

- a) Số lượng người làm việc được giao và số lượng người làm việc chưa sử dụng của đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng viên chức;
- b) Số lượng viên chức cần tuyển ở từng vị trí việc làm;
- c) Số lượng vị trí việc làm cần tuyển đối với người dân tộc thiểu số (nếu có), trong đó xác định rõ chỉ tiêu, cơ cấu dân tộc cần tuyển;
- d) Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển ở từng vị trí việc làm;
- đ) Hình thức và nội dung thi tuyển hoặc xét tuyển;
- e) Các nội dung khác (nếu có).

2. Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển

Sau khi kế hoạch tuyển dụng được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt theo quy định, các đơn vị mới được tiến hành đăng thông báo tuyển dụng, cụ thể như sau:

2.1. Phải đăng thông báo tuyển dụng công khai ít nhất 01 lần trên một trong những phương tiện thông tin đại chúng sau: báo in, báo điện tử, báo nói, báo hình; đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại đơn vị.

Nội dung thông báo tuyển dụng bao gồm:

- a) Số lượng người làm việc cần tuyển ứng với từng vị trí việc làm;
- b) Số lượng vị trí việc làm thực hiện việc thi tuyển, xét tuyển;
- c) Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển;

d) Thời hạn, địa chỉ và địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển, số điện thoại di động hoặc cố định của cá nhân, bộ phận được phân công tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển;

đ) Hình thức, nội dung thi tuyển, xét tuyển; thời gian và địa điểm thi tuyển, xét tuyển.

Trường hợp thay đổi nội dung thông báo tuyển dụng chỉ được thực hiện trước khi khai mạc kỳ tuyển dụng và phải công khai theo quy định tại phần 2.1.

2.2. Tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định 115/2020/NĐ-CP tại địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc theo đường bưu chính hoặc qua trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của đơn vị.

Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của đơn vị.

Lưu ý: Chỉ nhận Phiếu đăng ký dự tuyển *(không tiếp nhận hồ sơ cá nhân)*.

3. Trình tự tổ chức tuyển dụng

3.1. Thành lập Hội đồng tuyển dụng, Ban giám sát do thủ trưởng đơn vị đã được phân cấp thực hiện tuyển dụng viên chức quyết định

3.1.1. Hội đồng tuyển dụng viên chức được thành lập bao gồm 05 hoặc 07 thành viên, như sau *(căn cứ Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP)*:

a) Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là người phụ trách công tác tổ chức cán bộ của đơn vị sự nghiệp công lập;

c) Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là viên chức giúp việc về công tác tổ chức cán bộ của đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Các ủy viên khác là người có chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến việc tổ chức tuyển dụng do người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định.

Trường hợp đơn vị không bố trí được Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng theo quy định thì báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định.

- Hội đồng tuyển dụng viên chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn như sau *(căn cứ Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP)*:

Hội đồng tuyển dụng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng đã biểu quyết.

Hội đồng tuyển dụng có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thành lập các bộ phận giúp việc: Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, Ban đề thi, Ban coi thi, Ban phách, Ban chấm thi, Ban chấm phúc khảo (nếu có); Ban kiểm tra sát hạch khi tổ chức thực hiện phỏng vấn hoặc thực hành tại vòng 2; Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng thành lập Tổ Thư ký giúp việc;

b) Tổ chức thu phí dự tuyển và sử dụng phí dự tuyển theo quy định;

c) Kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển, tổ chức thi, chấm thi, chấm phúc khảo theo quy chế;

d) Báo cáo người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng quyết định công nhận kết quả thi tuyển, xét tuyển;

đ) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức thi tuyển, xét tuyển;

e) Hội đồng tuyển dụng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

3.1.2. Ban giám sát được thành lập và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn như sau (căn cứ Khoản 2, 3 Điều 36 Chương III Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV):

Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban giám sát: Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức tuyển dụng viên chức trong quá trình thực hiện giám sát việc tổ chức thi, xét của Hội đồng theo quy định của pháp luật; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban giám sát và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại điểm b và điểm c dưới đây.

Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Ban giám sát:

a) Thực hiện nhiệm vụ giám sát theo phân công của Trưởng ban giám sát; báo cáo Trưởng ban giám sát về kết quả giám sát và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Trưởng ban giám sát về nhiệm vụ được phân công. Thành viên kiêm Thư ký Ban giám sát ghi biên bản các cuộc họp của Ban giám sát.

b) Thành viên Ban giám sát được quyền vào phòng thi trắc nghiệm, viết, phỏng vấn, thực hành trong thời gian tổ chức thi, nơi chấm thi trong thời gian tổ chức chấm thi, chấm phúc khảo; có quyền nhắc nhở thí sinh, giám thị phòng thi, giám thị hành lang, các thành viên khác Hội đồng và thành viên các bộ phận giúp việc của Hội đồng trong việc thực hiện quy chế và nội quy; được quyền yêu cầu giám thị phòng thi lập biên bản đối với thí sinh trong phòng thi vi phạm quy chế, nội quy (nếu có).

c) Thành viên Ban giám sát được quyền lập biên bản trong trường hợp thành viên Hội đồng, thành viên các bộ phận giúp việc của Hội đồng, Tổ Thư ký giúp việc vi phạm nội quy, quy chế và đề nghị người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức xem xét, xử lý hành vi vi phạm đó theo quy định của Đảng và của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

3.2. Thành lập các bộ phận giúp việc Hội đồng tuyển dụng viên chức do Chủ tịch Hội đồng quyết định thành lập (Tùy theo tình hình thực tế mà đơn vị chọn thành lập các ban theo quy định)

Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển; Ban đề thi; Ban coi thi; Ban phách; Ban chấm thi; Ban chấm phúc khảo (nếu có); Ban kiểm tra, sát hạch (để thực hiện phỏng vấn, thực hành); Tổ thư ký giúp việc Hội đồng (xét thấy cần thiết), Tổ in sao đề thi do Chủ tịch Hội đồng quyết định thành lập căn cứ Điểm a Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và căn cứ từ Điều 3 đến Điều 11 Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi

nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

3.3. Tổ chức thi tuyển/ xét tuyển .

➤ Đối với hình thức Thi tuyển (theo quy định tại Mục 2 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP về thi tuyển viên chức)

Vòng 1: Thi kiểm tra kiến thức chung

a) Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính/ trên giấy.

Trường hợp đơn vị đã được phân cấp thực hiện tuyển dụng viên chức chưa có điều kiện tổ chức thi trên máy vi tính thì thi trắc nghiệm trên giấy. Trường hợp tổ chức thi trên máy vi tính thì nội dung thi trắc nghiệm không có phần thi tin học.

b) Nội dung thi gồm 3 phần, thời gian thi như sau:

- Phần I: Kiến thức chung, 60 câu bao gồm: hiểu biết về pháp luật viên chức, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật về ngành, lĩnh vực giáo dục. Thời gian thi 60 phút.

- Phần II: Ngoại ngữ, 30 câu hỏi theo yêu cầu của vị trí việc làm về một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác do người đứng đầu đơn vị đã được phân cấp thực hiện tuyển dụng viên chức quyết định. Thời gian thi 30 phút.

- Phần III: Tin học, 30 câu hỏi theo yêu cầu của vị trí việc làm. Thời gian thi 30 phút.

c) Kết quả thi vòng 1 được thông báo cho thí sinh được biết ngay sau khi kết thúc thời gian làm bài thi trên máy vi tính và nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2.

Lưu ý:

- Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 1 trên máy vi tính.

- Miễn phần thi ngoại ngữ đối với các trường hợp sau:

✓ Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển;

✓ Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận;

Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

a) Hình thức thi: Căn cứ vào tính chất, đặc điểm và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, người đứng đầu đơn vị quyết định một trong ba hình thức thi: Phỏng vấn; thực hành; thi viết.

b) Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

Nội dung thi môn nghiệp vụ chuyên ngành phải căn cứ vào nhiệm vụ, tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp viên chức và phải phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển. Trong cùng một kỳ thi tuyển, nếu có các vị trí việc làm yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ khác nhau thì đơn vị phải tổ chức xây dựng các đề thi môn nghiệp vụ chuyên ngành khác nhau tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

c) Thời gian thi: Thi phỏng vấn 30 phút (trước khi thi phỏng vấn, thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị); thi viết 180 phút (không kể thời gian chép đề); thời gian thi thực hành do người đứng đầu đơn vị quyết định căn cứ vào tính chất, đặc điểm hoạt động nghề nghiệp của vị trí việc làm cần tuyển.

d) Thang điểm (*thi phỏng vấn, thực hành, thi viết*): 100 điểm.

Lưu ý: Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thực hành (Vòng 2).

➤ **Đối với hình thức Xét tuyển** (theo quy định tại Mục 3 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP về xét tuyển viên chức)

Vòng 1: Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

a) Hình thức thi: Căn cứ vào tính chất, đặc điểm và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, người đứng đầu đơn vị quyết định một trong ba hình thức thi: Phỏng vấn; thực hành; thi viết.

b) Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

Nội dung thi môn nghiệp vụ chuyên ngành phải căn cứ vào nhiệm vụ, tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp viên chức và phải phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển. Trong cùng một kỳ thi tuyển, nếu có các vị trí việc làm yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ khác nhau thì đơn vị phải tổ chức xây dựng các đề thi môn nghiệp vụ chuyên ngành khác nhau tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

c) Thời gian thi: Thi phỏng vấn 30 phút (trước khi thi phỏng vấn, thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị); thi viết 180 phút (không kể thời gian chép đề); thời gian thi thực hành do người đứng đầu đơn vị quyết định căn cứ vào tính chất, đặc điểm hoạt động nghề nghiệp của vị trí việc làm cần tuyển.

d) Thang điểm (*thi phỏng vấn, thực hành, thi viết*): 100 điểm.

Lưu ý: Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thực hành (Vòng 2).

4. Thông báo kết quả tuyển dụng viên chức

4.1. Sau khi hoàn thành việc chấm thi vòng 2, chậm nhất 05 ngày làm việc, Hội đồng tuyển dụng phải báo cáo người đứng đầu đơn vị xem xét, công nhận kết quả tuyển dụng.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định công nhận kết quả tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng phải thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc công thông tin điện tử của đơn vị và gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người

dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký. Nội dung thông báo phải ghi rõ thời hạn người trúng tuyển phải đến đơn vị để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng.

4.2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến đã được phân cấp thực hiện tuyển dụng viên chức để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng. Hồ sơ tuyển dụng bao gồm:

a) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);

Trường hợp người trúng tuyển có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

b) Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp.

Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì người đứng đầu đơn vị ra quyết định hủy kết quả trúng tuyển.

Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì đơn vị thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của đơn vị và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

5. Ký kết hợp đồng làm việc

Căn cứ kết quả tuyển dụng, người đứng đầu đơn vị thực hiện ký kết hợp đồng làm việc với người trúng tuyển theo quy định tại Điều 18 Mục 4 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, như sau:

5.1. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày người trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng, người đứng đầu đơn vị đã được phân cấp thực hiện tuyển dụng viên chức ra quyết định tuyển dụng, đồng thời gửi quyết định tới người trúng tuyển theo địa chỉ đã đăng ký.

5.2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định tuyển dụng, người được tuyển dụng viên chức phải đến đơn vị để ký hợp đồng làm việc và nhận việc, trừ trường hợp quyết định tuyển dụng quy định thời hạn khác hoặc được đơn vị đồng ý gia hạn.

5.3. Trường hợp người được tuyển dụng viên chức không đến ký hợp đồng làm việc và nhận việc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định tuyển dụng thì người đứng đầu đơn vị hủy bỏ quyết định tuyển dụng.

5.4. Người đứng đầu đơn vị xem xét quyết định việc trúng tuyển đối với người dự tuyển có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề so với kết quả tuyển dụng của người trúng tuyển đã bị hủy bỏ kết quả trúng (*Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển hoặc trường hợp người được tuyển dụng viên chức không đến ký hợp đồng làm việc và nhận việc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định tuyển dụng*).

Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả tuyển dụng thấp hơn liền kề mà bằng nhau thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu đơn vị quyết định người trúng tuyển”.

Ví dụ: Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm bằng nhau và cùng có kết quả điểm thi vòng 2 bằng nhau thì người đứng đầu đơn vị căn cứ trên điểm thi tốt nghiệp hoặc điểm luận văn tốt nghiệp của các ứng viên nêu trên để quyết định người trúng tuyển.

Lưu ý:

Đơn vị sử dụng mẫu các loại hợp đồng làm việc xác định thời hạn được ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP để ký kết hợp đồng đối với viên chức trúng tuyển, không ký kết hợp đồng làm việc không xác định thời hạn.

Lý do: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 và Luật Viên chức số 58/2010/QH12 về sửa đổi, bổ sung Điều 25 của Luật viên chức như sau: “... *Hợp đồng làm việc xác định thời hạn áp dụng đối với người được tuyển dụng làm viên chức kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2020...*” và Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP: “*Hợp đồng làm việc xác định thời hạn là hợp đồng mà trong đó hai bên xác định thời hạn, thời điểm chấm dứt hiệu lực của hợp đồng trong khoảng thời gian từ đủ 12 tháng đến 60 tháng*”.

IV. Báo cáo việc thực hiện tuyển dụng viên chức

1. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc thực hiện tuyển dụng đơn vị gửi báo cáo bằng văn bản kèm hồ sơ về Sở Giáo dục và Đào tạo để thẩm tra kết quả tuyển dụng.

Thành phần hồ sơ gồm có:

- a) Báo cáo về việc tổ chức tuyển dụng của đơn vị đã được phân cấp thực hiện tuyển dụng viên chức;
- b) Bản sao Kế hoạch tuyển dụng viên chức đã được phê duyệt;
- c) Bản sao Thông báo tuyển dụng kèm minh chứng về việc đăng thông báo tuyển dụng công khai ít nhất 01 lần trên một trong những phương tiện thông tin đại chúng sau: báo in, báo điện tử, báo nói, báo hình; đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của đơn vị đã được phân cấp thực hiện tuyển dụng viên chức;
- d) Bản sao Quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức, Ban giám sát và biên bản các phiên họp của Hội đồng tuyển dụng;
- e) Bản sao Quyết định thành lập các bộ phận giúp việc và biên bản các phiên họp có liên quan;
- f) Bản sao Danh sách thí sinh đăng ký dự tuyển;
- g) Bản sao Danh sách thí sinh đủ điều kiện tham gia dự tuyển theo vị trí việc làm;
- h) Bản sao Bảng tổng hợp kết quả tuyển dụng;
- i) Bản sao Quyết định công nhận kết quả tuyển dụng kèm danh sách thí sinh trúng tuyển theo từng vị trí việc làm (*kèm theo hồ sơ tuyển dụng theo quy định tại Khoản 1 Điều*

17 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP bao gồm: a) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có); Trường hợp người trúng tuyển có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ, tin học, b) Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp).

k) Bản sao Quyết định tuyển dụng;

l) Báo cáo kết quả giải quyết đơn thư, khiếu nại, tố cáo và kết quả phúc tra, phúc khảo (nếu có).

2. Trường hợp việc tổ chức thực hiện tuyển dụng và kết quả tuyển dụng của đơn vị chưa đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Thông tư số 06/2020/TT-BNV, Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, xử lý trách nhiệm theo quy định của Đảng và của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức và ban hành văn bản chỉ đạo đơn vị hủy bỏ quyết định tuyển dụng đã ban hành.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu đơn vị gặp khó khăn, vướng mắc thì báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo để được hướng dẫn././m

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Nội vụ (để biết);
- Lưu: VT, TCCB. HD.



Nguyễn Văn Hiếu

**DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỰ BẢO ĐẢM
MỘT PHẦN CHI THƯỜNG XUYÊN VÀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP
DO NHÀ NƯỚC BẢO ĐẢM CHI THƯỜNG XUYÊN TRỰC THUỘC
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐƯỢC PHÂN CẤP THỰC HIỆN
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC**

(Kèm theo công văn số 2388 /SGDDT-TCCB ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Sở
Giáo dục và Đào tạo)

STT	Tên Đơn vị	Loại hình đơn vị
1	Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Tự bảo đảm một phần chi thường xuyên
2	Trường Cao đẳng Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	Tự bảo đảm một phần chi thường xuyên
3	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh	Tự bảo đảm một phần chi thường xuyên
4	Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	Tự bảo đảm một phần chi thường xuyên
5	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Nguyễn Hữu Cánh	Tự bảo đảm một phần chi thường xuyên
6	Trường Cao đẳng Bách khoa Nam Sài Gòn	Tự bảo đảm một phần chi thường xuyên
7	Trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật Quận 12	Tự bảo đảm một phần chi thường xuyên
8	Trường Trung cấp Bách Nghệ Thành phố Hồ Chí Minh	Tự bảo đảm một phần chi thường xuyên
9	Trường Mầm non 19/5 Thành phố	Tự bảo đảm một phần chi thường xuyên
10	Trường Mầm non Thành phố	Tự bảo đảm một phần chi thường xuyên
11	Trường Trung học phổ thông chuyên Lê Hồng Phong	Tự bảo đảm một phần chi thường xuyên
12	Trường Trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa	Tự bảo đảm một phần chi thường xuyên
13	Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập cho người khuyết tật	Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên
14	Trường Phổ thông đặc biệt Nguyễn Đình Chiểu	Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên
15	Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập Bình Chánh	Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên
16	Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập quận Tân Bình	Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên
17	Phân hiệu Trung học phổ thông Lê Thị Hồng Gấm của Trung tâm Giáo dục Kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp Lê Thị Hồng Gấm	Tự bảo đảm một phần chi thường xuyên

Danh sách có 17 đơn vị./.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KH-

MẪU

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

KẾ HOẠCH

Về tuyển dụng viên chức ... Năm học 2021 - 2022

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật viên chức số 58/2010/QH12 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức số 52/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức (viết tắt là Nghị định số 115/2020/NĐ-CP);

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (viết tắt là Thông tư số 06/2020/TT-BNV);

Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (viết tắt là Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT);

Căn cứ Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin (viết tắt là Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT);

Căn cứ các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương của các vị trí việc làm cần tuyển dụng, ví dụ như: Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 19 tháng 5 năm 2015 của Bộ Nội

vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện; Thông tư liên tịch số 19/2016/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật trong các cơ sở giáo dục công lập; Thông tư số 45/2017/TT-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành công nghệ thông tin; Thông tư số 07/2019/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương nhân viên giáo vụ trong trường phổ thông dân tộc nội trú; trường trung học phổ thông chuyên; trường dự bị đại học và trường dành cho người khuyết tật công lập; Thông tư số 08/2019/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 5 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương nhân viên thiết bị, thí nghiệm trong các trường trung học và trường chuyên biệt công lập; Thông tư số 04/2021/TT-BGDĐT ngày 02 tháng 02 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường trung học phổ thông công lập,

(Đơn vị) ... xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức năm học 2021 - 2022 như sau:

1. Tình hình nhu cầu tuyển dụng

(Đơn vị) được phân cấp thực hiện tuyển dụng viên chức theo Quyết định số .../QĐ-SGDĐT ngày ... tháng 8 năm 2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Năm 2021, (Đơn vị) được phân bổ số lượng người làm việc: ...viên chức; số lượng người làm việc chưa sử dụng: ... viên chức.

Sau khi rà soát đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt và tổng hợp nhu cầu tuyển dụng, (Đơn vị) dự kiến tuyển dụng ... viên chức, trong đó: ... viên chức là giáo viên và ... viên chức là nhân viên, như sau:

STT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP	MÃ SỐ	SỐ LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Giáo viên môn Hóa	Giáo viên Trung học phổ thông hạng III	V07.05.15	...	
2	...	...	...	...	
...					

2. Nguyên tắc tuyển dụng

Việc tuyển dụng viên chức được thực hiện theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

Việc tuyển dụng viên chức phải căn cứ vào nhu cầu công việc, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và quỹ tiền lương của đơn vị sự nghiệp công lập.

Bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật.

Bảo đảm tính cạnh tranh.

Những trường hợp được tuyển chọn phải đảm bảo đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, chuyên môn nghiệp vụ năng lực theo yêu cầu của vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp cần tuyển.

Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

Không tiếp nhận bổ sung đối tượng ưu tiên sau khi (đơn vị) công nhận kết quả tuyển dụng.

3. Trường hợp được đăng ký dự tuyển viên chức, điều kiện đăng ký dự tuyển viên chức và đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức

3.1 Trường hợp được đăng ký dự tuyển viên chức

Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển viên chức:

- a) Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- b) Từ đủ 18 tuổi trở lên;
- c) Có phiếu đăng ký dự tuyển;
- d) Có lý lịch rõ ràng;
- e) Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm dự tuyển;
- f) Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ theo vị trí việc làm đăng ký dự tuyển.
- g) Đáp ứng các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí việc làm do đơn vị sự nghiệp công lập xác định nhưng không được trái với quy định của pháp luật.

3.2. Điều kiện đăng ký dự tuyển viên chức

3.2.1. Người dự tuyển vào vị trí việc làm Giáo viên/ Giảng viên (CDNN- Mã số ...):

Phải đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo qui định hiện hành tương ứng với chức danh nghề nghiệp giáo viên đăng ký dự tuyển, cụ thể (trích dẫn theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đã nêu tại phần căn cứ pháp lý).

3.2.2. Người dự tuyển các vị trí việc làm nhân viên... (CDNN- Mã số ...):

Phải đạt tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo qui định hiện hành tương ứng với chức danh nghề nghiệp nhân viên đăng ký dự tuyển, cụ thể (trích dẫn theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đã nêu tại phần căn cứ pháp lý).

Lưu ý: Người dự tuyển xem nội dung cụ thể tại Phụ lục kèm theo kế hoạch này về bảng quy đổi trình độ ngoại ngữ, tin học.

3.3. Đối tượng và điểm ưu tiên trong tuyển dụng viên chức:

a) Anh hùng Lực lượng vũ trang, Anh hùng Lao động, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B: Được cộng 7,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

b) Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp phục viên, người làm công tác cơ yếu chuyển ngành, học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị, tốt nghiệp đào tạo chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cấp xã ngành quân sự cơ sở được phong quân hàm sĩ quan dự bị đã đăng ký ngạch sĩ quan dự bị, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của thương binh loại B, con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động: Được cộng 5 điểm vào kết quả điểm vòng 2;

c) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ tham gia công an nhân dân, đội viên thanh niên xung phong: Được cộng 2,5 điểm vào kết quả điểm vòng 2.

Lưu ý: Trường hợp người dự thi tuyển viên chức thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thi tại vòng 2.

4. Trường hợp không được đăng ký dự tuyển viên chức

Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển viên chức:

a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

b) Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

5. Hình thức tuyển dụng

Việc tuyển dụng viên chức được thực hiện thông qua hình thức **thi tuyển/xét tuyển**.

Vòng 1: Thi kiểm tra kiến thức chung

b) Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy vi tính/ trên giấy.

Trường hợp tổ chức thi trên máy vi tính thì nội dung thi trắc nghiệm không có phần thi tin học.

Trường hợp đơn vị đã được phân cấp thực hiện tuyển dụng viên chức chưa có điều kiện tổ chức thi trên máy vi tính thì thi trắc nghiệm trên giấy.

b) Nội dung thi gồm 3 phần, thời gian thi như sau:

- Phần I: Kiến thức chung, 60 câu bao gồm: hiểu biết về pháp luật viên chức, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật về ngành, lĩnh vực giáo dục. Thời gian thi 60 phút.

- Phần II: Ngoại ngữ, 30 câu hỏi theo yêu cầu của vị trí việc làm về một trong năm thứ tiếng Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc hoặc ngoại ngữ khác do người đứng đầu đơn vị đã được phân cấp thực hiện tuyển dụng viên chức quyết định. Thời gian thi 30 phút.

- Phần III: Tin học, 30 câu hỏi theo yêu cầu của vị trí việc làm. Thời gian thi 30 phút.

c) Kết quả thi vòng 1 được thông báo cho thí sinh được biết ngay sau khi kết thúc thời gian làm bài thi trên máy vi tính và nếu trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2.

Lưu ý:

- Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 1 trên máy vi tính.

- Miễn phần thi ngoại ngữ đối với các trường hợp sau:

✓ Có bằng tốt nghiệp chuyên ngành ngoại ngữ cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển;

✓ Có bằng tốt nghiệp cùng trình độ đào tạo hoặc ở trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển học tập ở nước ngoài hoặc học bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam, được cơ quan có thẩm quyền công nhận;

Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

a) Hình thức thi: Căn cứ vào tính chất, đặc điểm và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, người đứng đầu đơn vị đã được phân cấp thực hiện tuyển dụng viên chức quyết định một trong ba hình thức thi: Phỏng vấn; thực hành; thi viết.

b) Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

Nội dung thi môn nghiệp vụ chuyên ngành phải căn cứ vào nhiệm vụ, tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp viên chức và phải phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển. Trong cùng một kỳ thi tuyển, nếu có các vị trí việc làm yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ khác nhau thì đơn vị đã được phân cấp thực hiện tuyển dụng viên chức phải tổ chức xây dựng các đề thi môn nghiệp vụ chuyên ngành khác nhau tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

c) Thời gian thi: Thi phỏng vấn 30 phút (trước khi thi phỏng vấn, thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị); thi viết 180 phút (không kể thời gian chép đề); thời gian thi thực hành do người đứng đầu đơn vị đã được phân cấp thực hiện tuyển dụng viên chức quyết định căn cứ vào tính chất, đặc điểm hoạt động nghề nghiệp của vị trí việc làm cần tuyển.

d) Thang điểm (*thi phỏng vấn, thực hành, thi viết*): 100 điểm.

Lưu ý: Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thực hành (Vòng 2).

➤ **Đối với hình thức Xét tuyển (theo quy định tại Mục 3 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP về xét tuyển viên chức)**

Vòng 1: Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ chuyên ngành

a) Hình thức thi: Căn cứ vào tính chất, đặc điểm và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, người đứng đầu đơn vị đã được phân cấp thực hiện tuyển dụng viên chức quyết định một trong ba hình thức thi: Phỏng vấn; thực hành; thi viết.

b) Nội dung thi: Kiểm tra kiến thức, kỹ năng hoạt động nghề nghiệp người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

Nội dung thi môn nghiệp vụ chuyên ngành phải căn cứ vào nhiệm vụ, tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp viên chức và phải phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển. Trong cùng một kỳ thi tuyển, nếu có các vị trí việc làm yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ khác nhau thì đơn vị đã được phân cấp thực hiện tuyển dụng viên chức phải tổ chức xây dựng các đề thi môn nghiệp vụ chuyên ngành khác nhau tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

c) Thời gian thi: Thi phỏng vấn 30 phút (trước khi thi phỏng vấn, thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị); thi viết 180 phút (không kể thời gian chép đề); thời gian thi thực hành do người đứng đầu đơn vị đã được phân cấp thực hiện tuyển dụng viên chức quyết định căn cứ vào tính chất, đặc điểm hoạt động nghề nghiệp của vị trí việc làm cần tuyển.

d) Thang điểm (*thi phỏng vấn, thực hành, thi viết*): 100 điểm.

Lưu ý: Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thực hành (Vòng 2).

6. Xác định người trúng tuyển:

6.1. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm thực hành đạt từ 50 điểm trở lên;

b) Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

6.2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm thực hành cộng với điểm ưu tiên (nếu có) bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm thực hành vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu đơn vị đã được phân cấp thực hiện tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

7. Thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức, Ban giám sát và các bộ phận giúp việc Hội đồng tuyển dụng viên chức do Chủ tịch Hội đồng quyết định thành lập:

7.1. Hội đồng tuyển dụng viên chức và Ban giám sát

Hội đồng tuyển dụng viên chức được thành lập căn cứ Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP.

Ban giám sát được thành lập và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Khoản 2, 3 Điều 36 Chương III Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

7.2. Các bộ phận giúp việc Hội đồng tuyển dụng viên chức do Chủ tịch Hội đồng quyết định thành lập *(Tùy theo tình hình thực tế mà đơn vị chọn thành lập các ban theo quy định)*

Ban kiểm tra Phiếu đăng ký dự tuyển; Ban đề thi; Ban coi thi; Ban phách; Ban chấm thi; Ban chấm phúc khảo (nếu có); Ban kiểm tra, sát hạch (để thực hiện phỏng vấn, thực hành); Tổ thư ký giúp việc Hội đồng (xét thấy cần thiết), Tổ in sao đề thi do Chủ tịch Hội đồng quyết định thành lập căn cứ Điểm a Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP và căn cứ từ Điều 3 đến Điều 11 Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV.

8. Hồ sơ dự tuyển viên chức

Người dự tuyển chuẩn bị 02 loại hồ sơ, cụ thể:

8.1. Phiếu đăng ký dự tuyển *(theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 115/2020/NĐ-CP)*;

8.2. Bộ hồ sơ cá nhân, thành phần gồm *(dùng cho người trúng tuyển viên chức)*:

1. Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có);

Lưu ý: Trường hợp người trúng tuyển có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

2. Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp.

3. Đối với trường hợp đã có quá trình công tác đúng với chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển, có tham gia đóng BHXH trong các đơn vị trường công lập, dân lập, tư thục từ đủ 12 tháng trở lên thì nộp bổ sung: Bản sao công chứng Quyết định nghỉ việc hoặc chấm dứt hợp đồng làm việc; hợp đồng lao động của đơn vị cũ; Sổ Bảo hiểm xã hội, tờ rời in rõ quá trình đóng BHXH có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội.

8.3. Lưu ý:

Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thi (đơn vị đã được phân cấp tuyển dụng) công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của đơn vị và không tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong một kỳ tuyển dụng tiếp theo.

9. Quy trình, thời gian, địa điểm tổ chức tuyển dụng viên chức

(Đơn vị)... lập kế hoạch tuyển dụng và đăng thông báo tuyển dụng. Các thông tin liên quan đến tuyển dụng viên chức năm học 2021 - 2022 thường xuyên được cập nhật trên trang thông tin theo liên kết: ... từ lúc bắt đầu cho đến khi kết thúc tuyển dụng, gồm các bước dự kiến như sau:

ST T	THỜI GIAN DỰ KIẾN	BƯỚC	NỘI DUNG THỰC HIỆN	TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN
1				
2				
3				
4				
...				

10. Kinh phí tuyển dụng: Mức thu, chế độ thu, nộp quản lý và sử dụng phí tuyển dụng theo quy định hiện hành.

Lưu ý: Căn cứ Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức, quy định: “Người đủ điều kiện nộp hồ sơ thi tuyển khi nộp hồ sơ thi tuyển thì phải nộp phí tuyển dụng theo quy định tại Thông tư này.” Như vậy, đơn vị được phân cấp tuyển dụng chỉ thực hiện thu phí đối với trường hợp thi tuyển viên chức, không thực hiện thu phí đối với trường hợp xét tuyển viên chức.

Trên đây là kế hoạch tuyển dụng viên chức công tác tại ..., căn cứ tình hình thực tế ... có thể điều chỉnh bằng văn bản một số nội dung để phù hợp với tình hình công tác tuyển dụng và đúng các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (để báo cáo);
- Lưu: VT.

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục
LƯU Ý VỀ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ VÀ TIN HỌC
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-... ngày tháng 6 năm 2021 của...)

1. Đối với chứng chỉ Tin học:

Căn cứ công văn số 2819/BTTTT-CNTT ngày 31 tháng 8 năm 2015 của Bộ thông tin và truyền thông về việc công nhận bài thi tin học văn phòng quốc tế phù hợp yêu cầu của Chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT công nhận *“bài thi sử dụng máy tính và internet cơ bản IC3 công nhận đáp ứng yêu cầu của chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản (06 mô đun)”*.

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/8/2016 quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin quy định: *“Các chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C đã cấp có giá trị sử dụng tương đương với chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản”*.

Căn cứ công văn số 6078/BGDĐT-GDĐT ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường quản lý trong việc tổ chức thi, cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT quy định: *“Bộ Giáo dục và Đào tạo sẽ dừng việc cấp phối chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C từ ngày 15 tháng 12 năm 2016 và các khóa đào tạo được tổ chức trước ngày 10/8/2016 (thời điểm Thông tư 17 có hiệu lực thi hành) cần nhanh chóng kết thúc chương trình đào tạo, tổ chức thi, cấp chứng chỉ cho học viên, đảm bảo quyền lợi của người học”*. Vậy chứng chỉ tin học ứng dụng A, B, C được cấp sau ngày 15 tháng 12 năm 2016 thì không được công nhận.

Căn cứ Quyết định số 111/QĐ-BTTTT ngày 21 tháng 01 năm 2020 (có hiệu lực 03 năm) của Bộ Thông tin và truyền thông công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản quy định: *“Công nhận chứng chỉ ICDL Profile Certificate của tổ chức ECDL/ICDL Foundation (gồm 05 mô-đun Computer Essentials, Online Essentials, Word Processing, Spreadsheets, Presentation) đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014”*.

Căn cứ văn bản số 1415/QLCL-QLVBCC ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức sát hạch, cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin: *“Từ ngày 28 tháng 8 năm 2020, công nhận chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin (cơ bản và nâng cao) do Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh cấp theo Công văn số 1415/QLCL-QLVBCC.”*

2. Đối với trình độ Ngoại ngữ:

2.1. Đối với các chứng chỉ Tiếng Anh

- Căn cứ Quyết định số 177/QĐ-TCCB ngày 30 tháng 01 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình tiếng Anh thực hành A, B, C;
- Căn cứ Quyết định số 66/2008/QĐ-BGDĐT ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định chương trình Giáo dục thường xuyên về Tiếng Anh thực hành;

- Căn cứ theo quy định của Cambridge từ tháng 11 năm 2011;
- Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Căn cứ công văn số 6089/BGDĐT-GDĐT ngày 27 tháng 10 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về phúc đáp CV số 4453/BNV-CCVC; công văn số 3755/BGDĐT-GDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học;
- Căn cứ công văn số 3619/GDĐT-TiH ngày 04 tháng 10 năm 2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về chuẩn năng lực các cấp độ của bài thi PTE Young Learners và PTE General;

Việc quy đổi chứng chỉ Tiếng Anh thực hiện như sau:

Khung NLNN 6 bậc VN (TT 01/2014/TT- BGDĐT)	Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương của Tiếng Anh								
	CC Tiếng Anh theo QĐ 177	CC Tiếng Anh theo QĐ 66	Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)	TOEFL PBT/ITP	TOEFL CBT	TOEFL iBT	TOEIC 4 kỹ năng		
							Listening & Reading	Speaking	Writing
Bậc 1	Trình độ A	Trình độ A1	A1				120-220	50	30
Bậc 2	Trình độ B	Trình độ A2	A2	360-449		30	225-445	70-90	50-70
Bậc 3	Trình độ C	Trình độ B1	B1	450-499	133	31-45	450-595	100-130	90-120
Bậc 4		Trình độ B2	B2	500-589	173	46-93	600-845	140-160	130-150
Bậc 5		Trình độ C1	C1	590-649		94-109	850-940	170-180	160-180
Bậc 6		Trình độ C2	C2	650-677		110-120	945-990	190	190

Khung NLNN 6 bậc VN (TT 01/2014/TT- BGDĐT)	Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương của Tiếng Anh (tt)				
	Cambridge English	IELTS	BEC	BULATS	PTE General
Bậc 1					246
Bậc 2	KET	4		20	381
Bậc 3	PET	4.5 - 5	Business Preliminary	40	450
Bậc 4	FCE	5.5 – 6.5	Business Vantage	60	600
Bậc 5	CAE	7-7.5	Business Higher	75	850
Bậc 6	CPE	8-9		90	910

- Căn cứ văn bản số 3465/BGDĐT-QLCL ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam: “*Từ ngày 08 tháng 9 năm 2020: công nhận chứng chỉ ngoại ngữ theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do Trường Đại học Quy Nhơn cấp theo Công văn số 3465/BGDĐT-QLCL*”.

2.2. Đối với các chứng chỉ ngoại ngữ khác

Căn cứ bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1, B2 khung Châu Âu kèm theo Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 2 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo như sau:

Khung NLNN 6 bậc	Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR)	Bảng tham chiếu quy đổi một số chứng chỉ tương đương (Ngoại ngữ khác)					
		Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn
Bậc 1	A1	TEU	DELF A1	A1	HSK cấp 1	JLPT N5	Topik I-L1
Bậc 2	A2	TBU	DELF A2	A2	HSK cấp 2		Topik I-L2
Bậc 3	B1	TRKI 1	DELF B1	B1 ZD	HSK cấp 3	JLPT N4	Topik II-L3
Bậc 4	B2	TRKI 2	DELF B2	B2 test DaF level 4	HSK cấp 4	JLPT N3	Topik II-L4

3. Danh sách các đơn vị được phép tổ chức thi và cấp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học
(đính kèm Thông báo số 138/TB-QLCL ngày 08 tháng 02 năm 2021 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo)